

SINH HỌC 10. ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I. NĂM HỌC 2023-2024

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Khi nói đến vai trò của Sinh học, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Sinh học có vai trò quan trọng trong giải quyết các vấn đề môi trường nhưng không có vai trò chủ đạo trong phát triển bền vững.
- B. Sinh học cung cấp cơ sở khoa học trong việc bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội một cách bền vững.
- C. Sinh học chỉ có vai trò trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường và giải quyết các vấn đề xã hội.
- D. Sinh học chỉ có vai trò trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường cũng như sức khỏe con người.

Câu 2: Ý nào dưới đây là đúng khi nói về vai trò của sinh học trong phát triển kinh tế?

- A. Tạo ra những giống cây trồng và vật nuôi có năng suất và chất lượng cao.
- B. Cung cấp các kiến thức, công nghệ xử lý ô nhiễm và cải tạo môi trường.
- C. Góp phần xây dựng chính sách môi trường.
- D. Đưa ra các biện pháp nhằm kiểm soát sự phát triển dân số cả về chất lượng và số lượng.

Câu 3: Bộ tranh cơ thể người, bộ tranh các cấp tổ chức sống, mô hình tế bào, mô hình DNA, bộ tiêu bản quan sát nhiễm sắc thể thuộc loại vật liệu, thiết bị nghiên cứu và học tập nào của môn Sinh học?

- A. Dụng cụ thí nghiệm.
- B. Máy móc thiết bị.
- C. Tranh ảnh, mô hình, mẫu vật.
- D. Thiết bị an toàn.

Câu 4: Trình tự các sự kiện nào dưới đây phản ánh đúng trình tự các bước trong quy trình nghiên cứu khoa học?

- A. Đặt câu hỏi → Quan sát → Hình thành giả thuyết → Thiết kế thí nghiệm → Phân tích kết quả → Rút ra kết luận.
- B. Quan sát → Hình thành giả thuyết → Đặt câu hỏi → Phân tích kết quả → Thiết kế thí nghiệm → Rút ra kết luận.
- C. Quan sát → Đặt câu hỏi → Hình thành giả thuyết → Thiết kế thí nghiệm → Phân tích kết quả → Rút ra kết luận.
- D. Hình thành giả thuyết → Thiết kế thí nghiệm → Phân tích kết quả → Đặt ra câu hỏi → Rút ra kết luận.

Câu 5: Thứ tự nào sau đây phản ánh sự phức tạp dần của các tổ chức sống?

- A. Cơ thể → Tế bào → Quần thể → Quần xã → Hệ sinh thái → Sinh quyển.
- B. Cơ thể → Hệ sinh thái → Tế bào → Quần thể → Quần xã → Sinh quyển.
- C. Cơ thể → Tế bào → Quần xã → Quần thể → Hệ sinh thái → Sinh quyển.
- D. Tế bào → Cơ thể → Quần thể → Quần xã → Hệ sinh thái → Sinh quyển.

Câu 6: Các đặc điểm chung của thế giới sống là được

- A. tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc, những hệ mở và tự điều chỉnh, liên tục tiến hóa.
- B. tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc, những hệ mở, liên tục tiến hóa.
- C. tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc, tự điều chỉnh, liên tục tiến hóa.
- D. cấu tạo từ tế bào, những hệ mở và tự điều chỉnh, liên tục tiến hóa.

Câu 7: Đặc điểm chỉ có được do sự sắp xếp và tương tác của các bộ phận cấu thành nên hệ thống được gọi là đặc điểm

- A. mới.
- B. nổi trội.
- C. phức tạp.
- D. đặc trưng.

Câu 8: Khi nói về đặc điểm các cấp tổ chức sống là những hệ mở và tự điều chỉnh, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Các cấp tổ chức sống không ngừng trao đổi vật chất và năng lượng với môi trường.
- B. Thế giới sống không chỉ chịu sự tác động của môi trường mà còn góp phần làm biến đổi môi trường.
- C. Hệ thống sống có khả năng tự điều chỉnh để duy trì các thông số bên trong hệ thống một cách ổn định cho dù điều kiện môi trường luôn thay đổi.
- D. Tế bào nhận biết các thông tin bên ngoài nhờ hệ thống các phospholipid trên màng tế bào rồi truyền tín hiệu qua hệ thống các phospholipid trung gian, sau đó đưa ra các đáp ứng cần thiết.

Câu 9: “Tổ chức sống cấp thấp hơn làm nền tảng để xây dựng nên tổ chức sống cấp cao hơn” giải thích cho nguyên tắc nào của thế giới sống?

- A. Nguyên tắc thứ bậc.
- B. Nguyên tắc mở.
- C. tắc tự điều chỉnh.
- D. Nguyên tắc bổ sung.

Câu 10: Có bao nhiêu đặc điểm sau đây là của cấp độ tổ chức sống cơ bản?

- (1) Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc. (2) Là hệ kín, có tính bền vững và ổn định.
(3) Liên tục tiến hóa. (4) Là hệ mở, có khả năng tự điều chỉnh.
- A. 1. B. 3. C. 4. D. 2.

Câu 11: Ai là người đưa ra học thuyết tế bào với nội dung “Mọi sinh vật sống đều được cấu tạo từ tế bào và các sản phẩm của tế bào”?

- A. Robert Hooke. B. Matthias Schleiden và Theodor Schwann.
C. Theodor Schwann. D. Antonie van Leeuwenhoek.

Câu 12: Trong các nội dung sau, đâu **không phải** là nội dung cơ bản của học thuyết tế bào?

- A. Tất cả các sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào.
B. Các tế bào là đơn vị cơ sở của cơ thể sống.
C. Tất cả các tế bào được sinh ra từ các tế bào trước đó bằng cách phân chia tế bào.
D. Các tế bào có thành phần hóa học giống hệt nhau, có vật chất di truyền là AND.

Câu 13: Có bao nhiêu ý **đúng** về nội dung cơ bản của học thuyết tế bào?

- (1) Tất cả các sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào.
(2) Tế bào là đơn vị nhỏ nhất, đơn vị cấu trúc và đơn vị chức năng cấu tạo nên mọi cơ thể sinh vật.
(3) Tất cả các tế bào được sinh ra từ các tế bào trước đó bằng cách phân chia tế bào.
(4) Các tế bào có thành phần hoá học tương tự nhau, có vật chất di truyền là RNA.
(5) Sự sống được tiếp diễn do có sự chuyển hóa và sự di truyền xảy ra bên trong tế bào.

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 14: Tại sao nói tế bào là đơn vị cấu trúc cơ thể?

- A. Tế bào thực hiện chức năng trao đổi chất.
B. Tế bào thực hiện chức năng sinh trưởng.
C. Tế bào thực hiện chức năng sinh sản và di truyền.
D. Mọi cơ thể sống đều cấu tạo từ tế bào, tế bào là đơn vị cấu tạo bé nhất của cơ thể sống.

Câu 15: Khi nói về chức năng của tế bào, ý nào sau đây **đúng**?

- A. Tế bào có chức năng thực hiện trao đổi chất giữa tế bào với môi trường trong cơ thể.
B. Ti thể có chức năng liên hệ giữa các bào quan.
C. Mạng nhân điều khiển mọi hoạt động của tế bào.
D. Nhân có chức năng cung cấp năng lượng cho tế bào.

Câu 16: Hiện nay có khoảng bao nhiêu nguyên tố hóa học có vai trò quan trọng đối với sự sống

- A. 23. B. 24. C. 25. D. 26.

Câu 17: Trong 25 nguyên tố hóa học có vai trò quan trọng đối với sự sống, thì có bao nhiêu nguyên tố chính?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 18: 4 nguyên tố C, H, O, N chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm (%) khối lượng chất khô của tế bào?

- A. 68.3%. B. 78.3%. C. 88.3%. D. 96.3%.

Câu 19: Dựa vào tỷ lệ có trong cơ thể các nguyên tố hóa học được chia thành mấy loại?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 20: Mỗi nguyên tố vi lượng chiếm tỉ lệ nhỏ hơn bao nhiêu phần trăm (%)?

- A. 0.01%. B. 0.1%. C. 0.001%. D. 1%.

Câu 21: Trong các nguyên tố hóa học được tìm thấy trong cơ thể người, đâu là nguyên tố chiếm tỉ lệ cao nhất?

- A. C. B. H. C. O. D. N.

Câu 22: Trong các nguyên tố sau, đâu là nhóm nguyên tố thuộc nhóm nguyên tố vi lượng?

- A. C, Fe, Cu. B. Fe, Cu, Ca. C. Fe, Cu, Mo. D. Fe, Cu, N.

Câu 23: Trong các nguyên tố sau, đâu là nhóm nguyên tố thuộc nhóm nguyên tố đại lượng?

- A. C, H, Cu. B. C, H, Mg. C. O, N, Fe. D. O, H, Mo.

Câu 24: Cacbon có hóa trị mấy?

- A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 25: Các nguyên tố đa lượng trong tế bào thực hiện chức năng nào sau đây?

- A. Cấu thành nên các enzyme, hormone, vitamin.... B. Tham gia vào các hoạt động sống của cơ thể.
C. Cấu tạo các hợp chất hữu cơ. D. Điều tiết các phản ứng hóa học của tế bào.

Câu 26: Nguyên tố vi lượng có vai trò

- A. là thành phần cấu tạo chính của các hợp chất hữu cơ. B. tham gia cấu tạo các enzyme.
C. cấu tạo các polysaccharide trong tế bào. D. tạo nên mạch “xương sống” của các hợp chất hữu cơ.

Câu 27: Các nguyên tố vi lượng thường cần một lượng rất nhỏ đối với thực vật vì:

- A. phần lớn chúng đã có trong các hợp chất của thực vật.
B. chức năng chính của chúng là điều tiết quá trình trao đổi chất.
C. chúng đóng vai trò thứ yếu đối với thực vật.
D. chúng chỉ cần cho thực vật ở một vài giai đoạn sinh trưởng nhất định

Câu 28: Nguyên tố hóa học nào sau đây là “mạch xương sống” để hình thành các hợp chất hữu cơ?

- A. Oxygen. B. Nito. C. Calcium. D. Carbon.

Câu 29: Bệnh nào sau đây liên quan đến sự thiếu nguyên tố vi lượng?

- A. Bệnh bướu cổ. B. Bệnh mù màu. C. Bệnh viêm thị. D. Bệnh còi xương.

Câu 30: Khi nói về đặc điểm, chức năng của carbon trong tế bào, những phát biểu nào sau đây đúng?

- (1) Carbon có 5 electron tự do ở lớp ngoài cùng.
(2) Carbon có khả năng hình thành 4 liên kết cộng hóa trị với các Carbon hoặc nguyên tử khác.
(3) Carbon có thể tạo nên mạch “xương sống” của các hợp chất hữu cơ chính trong tế bào.
(4) Carbon tạo nên sự đa dạng về cấu trúc của các hợp chất.
A. 1, 2 và 3 B. 1, 2 và 4 C. 2, 3 và 4 D. 1, 3 và 4

Câu 31: Nguyên tố carbon có những vai trò nào sau đây?

- (1) Là thành phần chủ yếu cấu tạo nên các hợp chất vô cơ trong tế bào.
(2) Chiếm khối lượng nhỏ nhưng rất cần thiết cho hoạt động của tế bào và cơ thể.
(3) Tạo nên sự đa dạng về cấu tạo của các hợp chất trong tế bào.
(4) Có thể tạo nên mạch “xương sống” của các hợp chất hữu cơ chính trong tế bào.
A. 1 và 2 B. 3 và 4 C. 1 và 3 D. 2 và 4

Câu 32: Đặc tính nào sau đây của phân tử nước quy định các đặc tính còn lại?

- A. Tính liên kết. B. Tính dẫn điện. C. Tính phân cực. D. Tính phân li.

Câu 33: Nước được cấu tạo từ nguyên tố hóa học nào?

- A. Cacbon và oxy B. Cacbon và hidro. C. Hidro và oxy. D. Hidro và nito.

Câu 34: Liên kết hóa học giữa nguyên tố hidro và oxy là loại liên kết hóa học nào?

- A. Ion. B. Cộng hóa trị. C. Liên kết hữu cơ. D. Liên kết O-O.

Câu 35: Nước chiếm khoảng bao nhiêu % khối lượng cơ thể người?

- A. 20%. B. 70%. C. 50%. D. 90%.

Câu 36: Liên kết hóa học giữa các nguyên tử trong phân tử nước là:

- A. Liên kết cộng hóa trị. B. Liên kết hydrogen.
C. Liên kết ion. D. Liên kết photphodiester.

Câu 37: Câu nào sau đây **không** đúng với vai trò của nước trong tế bào?

- A. Nước cung cấp năng lượng cho tế bào hoạt động.
B. Nước là thành phần của yếu cấu tạo nên các tế bào và cơ thể.
C. Nước là dung môi hòa tan nhiều chất cần thiết cho các hoạt động sống của tế bào.
D. Nước góp phần định hình cấu trúc không gian đặc trưng của nhiều phân tử hữu cơ trong tế bào.

Câu 38: Nước có khả năng hòa tan nhiều chất cần thiết cho các hoạt động sống của tế bào là do

- A. Nước có tính phân cực. B. Nước là chất lỏng.
C. Nước có khả năng bay hơi. D. Nước có liên kết hydrogen.

Câu 39: Để bảo quản rau quả chúng ta không nên làm điều gì?

- A. Giữ rau quả trong ngăn mát của tủ lạnh. B. Giữ rau quả trong ngăn đá của tủ lạnh.
C. Rửa sạch rồi bảo quản ở nhiệt độ thích hợp. D. Ngâm rau quả trong nước muối để loại bỏ vi khuẩn.

Câu 40: Nguyên tố hóa học nào sau đây **không** tham gia cấu tạo phân tử cacbohydrate.

- A. C. B. H. C. O. D. N.

Câu 41: Dựa vào số lượng đơn phân trong phân tử, Cacbohydrate được chia ra thành mấy nhóm?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 42: Trong các loại đường đơn sau, đường nào **không phải** là đường 6C?

- A. Glucose. B. Fructose. C. Galactose. D. Ribose.

Câu 43: Trong phân tử đường đôi, 2 phân tử đường đơn liên kết với nhau bằng liên kết gì?

- A. Peptid. B. Hidro. C. Glycosydic. D. Glucid.

Câu 44: Trong các loại đường sau, đâu **không phải** là đường đôi?

- A. Saccharose. B. Maltose. C. Lactose. D. Glucose.

Câu 45: 2 phân tử glucose kết hợp sẽ cho ra loại đường đôi nào?

- A. Maltose. B. Lactose. C. Galactose. D. Saccharose.

Câu 46: Đường sữa là tên gọi khác của loại đường nào sau đây?

- A. Maltose. B. Lactose. C. Galactose. D. Saccharose.

Câu 47: Trong các loại đường sau, đâu không phải là đường đa?

- A. Glucose. B. Cellulose. C. Glycogen. D. Tinh bột.

Câu 48: Trong các phát biểu sau, đâu **không phải** là vai trò của Cacbohydrate?

- A. Dự trữ năng lượng. B. Tham gia cấu tạo nên nhiều thành phần của tế bào và cơ thể.
B. Cung cấp năng lượng. D. Là dung môi hòa tan các chất dinh dưỡng.

Câu 49: Chọn nội dung thích hợp hoàn thành câu: Phospholipid cấu tạo gồm một phân tử glycerol với phân tử acid béo và một nhóm phosphate.

- A. một. B. hai. C. ba. D. bốn.

Câu 50: Cholesterol, dịch mật, vitamin A, D, K, E...thuộc loại lipid nào sau đây?

- A. Phospholipid. B. Lipid đơn giản. C. Steroid. D. Dầu.

Câu 51: Lipid nào sau đây có vai trò tham gia cấu tạo màng sinh chất?

- A. Mỡ. B. Phospholipid. C. Estrogen. D. Carotenoid.

Câu 52: Loại lipid nào sau đây, có liên quan đến bệnh lý xơ vữa động mạch?

- A. Mỡ. B. Phospholipid. C. Cholesterol. D. Carotenoid.

Câu 53. Một phân tử mỡ được cấu tạo bởi

- A. 1 phân tử glycerol và 1 phân tử acid béo. B. 1 phân tử glycerol và 2 phân tử acid béo.
C. 1 phân tử glycerol và 3 phân tử acid béo. D. 3 phân tử glycerol và 1 phân tử acid béo.

Câu 54. Tại sao trong điều kiện bình thường, dầu thực vật tồn tại ở trạng thái lỏng?

- A. Vì dầu thực vật được cấu tạo từ các acid béo không no.
B. Vì dầu thực vật được cấu tạo từ các acid béo no.
C. Vì dầu thực vật có thành phần chủ yếu là glycerol.
D. Vì dầu thực vật có thành phần chủ yếu là acid béo

Câu 55: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng với dầu/mỡ động vật?

- (1) Được cấu tạo gồm 3 phân tử glycerol liên kết với 1 phân tử acid béo.
(2) Ở nhiệt độ phòng, dầu tồn tại ở dạng rắn do chúng chứa acid béo no.
(3) Dầu và mỡ đều là chất dự trữ năng lượng của tế bào và cơ thể.
(4) Những động vật sống ở sa mạc như lạc đà sử dụng mỡ ở các bướu làm nguồn cung cấp nước.
A. 3. B. 1. C. 4. D. 2.

Câu 56: Đại phân tử sinh học nào chiếm tỷ lệ nhiều nhất trong cơ thể sinh vật?

- A. Cacbohydrate. B. Lipid. C. Protein. D. Nucleid acid.

Câu 57: Protein có bao nhiêu bậc cấu trúc?

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 5.

Câu 58: Liên kết giữa các amino acid trong cấu trúc bậc 1 của protein thuộc loại liên kết nào?

- A. Acid. B. Peptid. C. Hydro. D. Dysulfite.

Câu 59: Khi nói về cấu trúc của phân tử protein, nhận định sau đây **sai**?

- A. Protein là đại phân tử được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân và có cấu trúc đa dạng nhất.
B. Có 20 loại amino acid tham gia cấu tạo nên các protein. Trong số này có 8 loại amino acid không thay thế vì cơ thể người không tự tổng hợp được.
C. Trình tự các amino acid của protein có tính đặc thù.
D. Mỗi amino acid đều được cấu tạo từ một nguyên tử carbon trung tâm liên kết với một nhóm amino, một nhóm carboxyl, một nguyên tử H và một chuỗi bên còn gọi là nhóm R.

Câu 60: DNA được cấu tạo từ những nucleotide nào sau đây?

- A. A, T, G, C. B. A, T, U, C. C. A, U, G, D. A, T, U, G.

Câu 61: mRNA là tên viết tắt của RNA nào sau đây?

A. RNA thông tin. B. RNA vận chuyển. C. RNA riboxom. D. RNA di chuyển.

Câu 62: Có bao nhiêu lý do giải thích đúng tại sao thức ăn nhanh và nước ngọt chế biến sẵn lại có hại cho sức khỏe?

(1) Trong quá trình sản xuất, người ta thường thêm phẩm màu nhân tạo, chất làm tăng hương vị để tăng độ hấp dẫn và thời gian bảo quản.

(2) Giá trị dinh dưỡng rất thấp vì chứa nhiều carbohydrate, chất béo, ít protein, vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể.

(3) Thực phẩm chế biến sẵn chứa chất béo trans, dễ dẫn đến xơ vữa động mạch, làm tăng nguy cơ bị các bệnh tim mạch.

(4) Đồ uống chứa nhiều đường fructose làm tăng nguy cơ gan nhiễm mỡ, tiểu đường, béo phì, quá trình phân giải fructose ở gan tạo ra nhiều uric acid rất có hại cho cơ thể.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 63: Để quan sát hiện tượng nhũ tương hóa lipid thành các giọt màu trắng sữa, người ta thường sử dụng dung dịch/ hóa chất nào sau đây?

A. Cồn và nước.

B. CuSO_4 .

C. NaOH.

D. Thuốc thử Benedict.

Câu 64: Khi cho một lượng nhỏ lòng trắng trứng vào ống nghiệm cùng với 5ml NaOH loãng, 5ml CuSO_4 1% thì dung dịch sẽ thay đổi thế nào?

A. từ màu xanh sang màu xanh tím.

B. dung dịch trở nên trắng như những đám mây.

C. xuất hiện kết tủa có màu đỏ gạch.

D. Từ màu xanh tím sang màu xanh.

Câu 65: Trong bài thực hành: Nhận biết một số phân tử sinh học, để nhận biết lipid thì cần những nguyên liệu gì?

A. Dầu ăn, cồn, nước.

B. Lòng trắng trứng, dung dịch CuSO_4 , dung dịch NaOH.

C. Glucose, dung dịch CuSO_4 , dung dịch NaOH.

D. Dầu ăn, dung dịch CuSO_4 , dung dịch NaOH.

Câu 66: Dựa vào đặc điểm biến tính của protein, chúng ta điều chỉnh một số yếu tố môi trường để tiêu diệt một số vi sinh vật làm hỏng thực phẩm. Trong số các biện pháp sau đây, có bao nhiêu biện pháp làm biến tính protein của vi sinh vật để giúp chúng ta bảo quản thực phẩm?

(1) Bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh.

(2) Đun chín thức ăn.

(3) Ướp muối thực phẩm.

(4) Nhúng giấm thực phẩm.

A. 3.

B. 4.

C. 2.

D. 1.

Câu 67: Đặc điểm nào sau đây là **không đúng** khi nói về tế bào nhân sơ?

A. Có kích thước nhỏ.

B. Có nhân hoàn chỉnh.

C. Có rất ít bào quan.

D. Sinh trưởng nhanh.

Câu 68: Tế bào nhân sơ cấu tạo gồm bao nhiêu thành phần chính?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 69: Vùng nhân của tế bào vi khuẩn có đặc điểm:

A. Chứa một phân tử ADN dạng vòng, xoắn kép.

B. Chứa một phân tử ARN mạch vòng, xoắn đơn.

C. Chứa một phân tử ARN dạng vòng, xoắn kép.

D. Chứa một phân tử ADN dạng kép, không vòng.

Câu 70: Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo từ

A. peptidoglycan.

B. xenlulose.

C. kitin.

D. polysaccharide.

Câu 71: Đặc điểm nào sau đây **không phải** của tế bào nhân sơ?

A. Không có hệ thống nội màng.

B. Nhân hoàn chỉnh, có màng bao bọc.

C. Vật chất di truyền là 1 phân tử DNA mạch kép, dạng vòng.

D. Chỉ chứa bào quan không có màng bao bọc.

Câu 72: Tế bào vi khuẩn có chứa bào quan

A. lisosome.

B. ribosome.

C. trung thể.

D. lưới nội chất.

Câu 73: Người ta chia vi khuẩn ra hai loại là vi khuẩn Gram dương và vi khuẩn Gram âm dựa vào điều gì?

A. Cấu trúc và thành phần hóa học của thành tế bào.

B. Cấu trúc của nhân tế bào.

C. Số lượng plasmid trong tế bào chất của vi khuẩn.

D. Khả năng chịu nhiệt của vi khuẩn.

Câu 74: Kích thước nhỏ đem lại cho tế bào nhân sơ những lợi thế nào sau đây?

(1) Trao đổi chất nhanh.

(2) Sinh trưởng nhanh.

(3) Sinh sản nhanh.

(4) Trả lời các kích thích nhanh.

(5) Tỷ lệ S/V (diện tích bề mặt tế bào/thể tích tế bào) nhỏ.

A. (1), (2), (3).

B. (1), (2), (3), (4).

C. (2), (3), (4).

D. (1), (2), (3), (4), (5).

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1

a. Hãy viết sơ đồ các cấp độ tổ chức cơ bản của thế giới sống theo thứ tự từ nhỏ đến lớn? Nêu tên các đặc điểm chung của thế giới sống?

b. Hãy lấy ví dụ chứng minh tổ chức sống là một hệ mở và tự điều chỉnh?

Câu 2: Học thuyết tế bào hiện đại có những nội dung gì?

Câu 3. Các nguyên tố hóa học trong tế bào chia làm mấy nhóm? Chức năng của từng nhóm?

Câu 4. Tại sao các phân tử có cùng số lượng nguyên tử carbon nhưng lại có đặc tính hóa học khác nhau?

Câu 5. Nêu cấu trúc hóa học và chức năng của nước? Cấu trúc hóa học của nước làm cho phân tử nước có tính chất vật lý nào?

Câu 6. Đơn phân cấu tạo nên Cacbohidrat, Protein, DNA là gì? Hãy kể tên các thành phần cấu tạo của đơn phân đó?

Câu 7. Tính bền vững và linh hoạt trong cấu trúc của DNA có được là nhờ đặc điểm nào?

Câu 8. Nêu đặc điểm cấu tạo chung và chức năng chính của carbohydrate?

Câu 9. Vì sao DNA được sử dụng trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm?

Câu 10. Để giảm béo, nhiều người đã cắt bỏ hoàn toàn chất béo trong khẩu phần ăn. Theo em, điều này là nên hay không nên?